

KHOA HỌC VÀ TINH THẦN: CÔNG LÝ GIẢI DỊ CHO CÁC NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM Ở VIỆT NAM

KENNETH J. HERRMANN, JR.

GIỚI THIỆU

Lịch sử đang mở ra cho các lý giải. Những hậu quả đối với con người của những sự kiện lịch sử thế kỷ 20 đến các diễn giải. Chiến tranh của Mỹ là chủ đề để điều tra nghiên cứu và tranh cãi trên toàn cầu trong nhiều thập kỷ. Sự xâm lược vô cớ vào Việt Nam của Mỹ sau khi giúp quân Pháp cố gắng kéo giữ nỗ lực tuyệt vọng của họ để bảo vệ cho chủ nghĩa thực dân; sự đóng quân của kẻ độc tài ở vùng phía Nam của một đất nước bị chia cắt một cách không minh bạch; và việc sử dụng bom bi, napalm và những vũ khí khác đã kéo theo các cuộc tranh cãi trí thức. Tuy nhiên, các cuộc tranh luận phải gánh thêm một tâm trạng ủ rũ khi các nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc mà chiến tranh là đại diện vẫn tiếp tục diễu hành trên vũ đài thế giới để nhắc nhở chúng ta hàng triệu lần rằng chiến tranh đã không kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Một ví dụ thực tế trần trụi của nó là mức độ tàn ác của những thương vong do việc sử dụng các chất hoá học trong chiến tranh Việt Nam. (Herrmann, 2003)

Bài này chỉ cung cấp được ít hơn so với toàn bộ những phân tích vấn đề theo kinh nghiệm. Thay vào đó, nó cố gắng đưa ra các khía cạnh nhân văn để tranh luận và sự biện chứng được trình bày bởi những bằng chứng hiện có, sự phi cá nhân hoá với sự nỗ lực của một số người, và thực tế cuộc sống với chất độc da cam. Sự tranh cãi về vấn đề này đang gây sự sôi sục.

Một vài người đã nhìn nhận một cách sai lầm những ảnh hưởng của việc sử dụng chất độc da cam ở Việt Nam trong cuộc chiến tranh của Mỹ như là một chuỗi phức hợp của việc sử dụng chất diệt cỏ (thực tế thì có nhiều loại chất diệt cỏ khác nhau); sự cố gắng vô tội và trung thực để bảo vệ cho lính Mỹ và lấy đi chỗ trú ẩn và thực phẩm của đối phương trong chiến tranh; sự phát triển

và buôn bán một chất hoá học gọi là "dioxin" một cách trung lập về đạo đức, có liên quan tới khoảng 30 công ty Mỹ để đối phó với chính quyền Washington; và tàn phá không chủ tâm những gì bị phơi nhiễm chất hoá học, dẫn đến những hậu quả không cố ý.

Ảnh hưởng của chất da cam ở Việt Nam trong chiến tranh của Mỹ cũng có thể được nhìn nhận là cuộc chiến tranh hoá học vi phạm một số các công ước quốc tế và các thoả thuận có liên quan. Nó có thể được xem như việc chính phủ Mỹ sử dụng chất dioxin chết người với đầy đủ nhận thức về những bí mật, những hậu quả phi nhân tính và những ảnh hưởng âm ỉ của nó. Nó có thể được lý giải như là sự cố gắng liều lĩnh của Washington thông đồng với các công ty Mỹ để làm hại đối phương, những người dân vô tội, và sự nghiệp giải phóng Việt Nam, cho dù là một trong những hậu quả đó cũng đã ảnh hưởng đến chính những người lính Mỹ.

Các nhà quan sát có thể thẩm tra tính khoa học, chính trị, thương mại, các sách lược quân sự, và những yếu tố lịch sử có liên quan đến quyết định của Chính phủ Mỹ khi mua và rải trên 20.000.000 ga-lông (1 ga-lông = 3.78 lít ở Mỹ) chất độc da cam và các chất hoá học khác lên ít nhất là 6.000.000 mẫu (acres; 1 mẫu = 0,4 ha ở Việt Nam) (Kokkoris, 2005); Palmer, 2004). Nhiều người đã khám phá để tìm hiểu, một số đã từ bỏ trách nhiệm, nhưng vẫn còn những người khác tìm cách giải quyết hậu quả của sự tàn phá và phức tạp này. Tôi cho rằng, những nhà chuyên môn là rất quan trọng trong nỗ lực sửa chữa một việc có vẻ như không công bằng gây ra cho người Việt Nam, nhưng không chỉ có họ là những chuyên gia. Họ có thể giúp đỡ chúng ta với bằng chứng theo lối kinh nghiệm và những phương pháp cải tạo vùng đất ngấm đầy chất hoá học chết người. Họ cũng có thể giúp chúng ta

tránh những khuyết tật vẫn đang tiếp diễn của hàng triệu ng-ời đang sống bị ảnh h-ởng trầm trọng của chất hoá học đ-ợc rải và đổ xuống trên cả vùng rộng lớn ở Việt Nam. Tuy nhiên, họ không phải là những chuyên gia hiểu về vấn đề chất độc da cam ở Việt Nam. Những ng-ời rõ hơn ai hết chính là những nạn nhân chất độc da cam, và sự hiểu biết về vấn đề chỉ có thể đ-ợc nhìn thấy qua trái tim và tâm hồn của họ. Một vài ng-ời trong số họ đang sống ở những vùng núi hẻo lánh, cô lập và chẳng mấy ai đến thăm họ.

Về mặt tinh thần

Thạch sống tại xã Quế Lâm, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Chiến tranh của Mỹ kết thúc khi cô ấy tròn 5 tuổi. Ng-ời đàn ông mà cô ấy kết hôn cách đây 15 năm khi đó mới 12 tuổi. Anh ấy sống ở Điện Bàn, gần Mỹ Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam. Ký ức của họ về chiến tranh là những ký ức của trẻ thơ với sự trong sáng thời thơ ấu, nỗi sợ hãi, sự xáo trộn và sự hỗn loạn của ng-ời lớn để đối mặt với chiến tranh.

Nguyễn Thị Thạch và ng-ời chồng hy vọng vào một t-ong lai hoà bình và thịnh v-ong. Chồng chị đi đào vàng ở Ph-ớc Sơn, không hề có khái niệm gì về l-ợng chất độc da cam mà Mỹ đã rải xuống ở khu vực này. Anh ấy vẫn uống n-ớc và lao động trên mảnh đất này. Những phi vụ rải ở xã Quế Sơn, Mỹ Sơn, và Ph-ớc Sơn không phải là vấn đề mà họ đã hiểu hết. Vấn đề chính của họ là kiếm sống, gây dựng một mối quan hệ và xây dựng gia đình. Vào năm 1992, con đầu tiên của họ, Thắng đ-ợc sinh ra. Một bé gái nhỏ nhắn khoẻ mạnh đã mang lại niềm vui cho họ, gia đình cả hai bên cùng chia sẻ niềm hạnh phúc này. Năm 1997, con trai của họ là Tùng ra đời. Cậu bé phải chịu đựng sự tàn tật rất khủng khiếp. Năm 2000, con gái Vi của họ đ-ợc sinh ra. Cháu bị tàn tật nặng, kém phát triển về thể chất và không có khả năng giao tiếp, vận động. Tùng và Vi nằm trên gi-ờng cả ngày lẫn đêm, suốt năm này qua năm khác, không có khả năng phát triển bình th-ờng, chẳng hề lên cân, khả năng giao tiếp không có. Sự chăm sóc của

ng-ời mẹ là mối liên hệ duy nhất, bà ấy d-ờng nh- cảm nhận đ-ợc nỗi đau của các con. Họ giao tiếp với nhau bằng trái tim và sự cảm nhận [khi tiến hành nghiên cứu một vấn đề với những dữ liệu và chứng cứ khoa học khách quan th-ờng làm mất đi tính nhạy cảm]

Năm năm tr-ớc, chồng của Thạch đã chết trong một tai nạn giao thông. Kể từ đó gia đình nhà chồng chẳng làm gì để giúp đỡ Thạch và 3 con của chị. Chị trở về xã Quế Lâm, nơi ng-ời mẹ già và ốm yếu của chị vẫn còn sống ở dải đất của sông Thu Bồn trong núi. Thạch kiếm củi để nuôi con, sống trong túp lều nhỏ; và làm tất cả những gì để có thể kiếm đ-ợc thức ăn, quần áo và một ngôi nhà cho các con mà cô yêu th-ong. Thắng, một đứa trẻ sáng dạ và chăm chỉ nh-ng đã phải bỏ học. Nó còn phải trông nom hai đứa em khuyết tật khi mẹ đi làm.

Thạch đã nghe đ-ợc về công việc giúp đỡ những trẻ em khuyết tật là nạn nhân chất độc da cam cũng nh- gia đình họ và liên hệ với những ng-ời Mỹ để kể về những đau khổ mà những nạn nhân của chất độc da cam phải chịu đựng. Tôi nhận đ-ợc lá th- cô ấy viết vào tháng 5 năm 2004:

Gửi: Giáo s- Kenneth Herrmann, Giám đốc Ch-ong trình SUNY Brockport Việt Nam

Tôi viết cho ông bức th- này để đáp lại yêu cầu mà ông đã đ- a ra trên báo Thanh Niên ngày 24/5/2004

Tôi tên là Nguyễn Thị Thạch, tôi sinh năm 1970 tại Quế Lâm, Quế Sơn, Quảng Nam. Tôi sinh ra và lớn lên tại vùng đất mà quân đội Mỹ đã rải rất nhiều chất hoá học. Chúng tôi chẳng hề biết những hậu quả chết chóc của chất hoá học này. Do đó mà chúng tôi tiếp tục uống n-ớc và ăn các loại rau bị nhiễm độc. Kể từ đó đến nay, tôi bắt đầu bị tiêu chảy, đau đầu, chóng mặt, da bị lở loét và bị viêm khớp.

Cha mẹ tôi cũng bị ảnh h-ởng chất độc da cam và bố tôi đã mất khi còn trẻ. Tôi lấy chồng năm 1991. Con gái đầu của tôi, Nguyễn Thị

Thắng, sinh năm 1992. Cháu là đứa trẻ khoẻ mạnh. Con trai thứ hai của tôi, Nguyễn Sơn Tùng, sinh năm 1997. Đầu của cháu rất mềm, luôn bị co giật, các cơ của cháu bị teo. Cháu không hề nhận thức đ-ợc bất kỳ ai hay bất kỳ vật gì. Con thứ 3 của tôi, Nguyễn Thị Vi, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2000. Cháu cũng bị căn bệnh hết nh- anh trai của cháu.

Hiện nay gia đình tôi đang gặp rất nhiều khó khăn. Niềm hy vọng của tôi là lá th- này sẽ đến đ-ợc với những tổ chức nhân đạo và những ng-ời từ thiện.

Th-a giáo s- Herrmann, xin hãy chuyển lá th- của tôi tới những công ty sản xuất ra chất độc da cam. Hãy nói cho họ biết rằng họ phải chịu trách nhiệm về những gì họ đã gây ra cho gia đình tôi và cho hàng triệu những gia đình Việt Nam khác.

Xin cảm ơn ông

Nguyễn Thị Thạch

Cô ấy viết th- để yêu cầu những ng-ời có trách nhiệm trong việc phát triển và sử dụng chất độc da cam phải biết đến những nỗi đau khổ và tuyệt vọng của những đứa con và của hàng triệu những gia đình Việt Nam khác có cùng hoàn cảnh. Cô không chỉ quan tâm tới gia đình mình mà còn quan tâm tới các gia đình Việt Nam khác.

Bé Vi đã chết tháng 1/2005. Những ng-ời hàng xóm đã làm quan tài và chôn thi hài bé nhỏ của cháu gần túp lều nhỏ, đổ nát. Thạch cho biết rằng Tùng d-ờng nh- đã quen với việc nằm cạnh em khi ngủ buổi tối. Tất cả đã kết thúc khi Vi mất, em ngày càng gầy mòn và luôn rên rỉ. Em đã bắt đầu lên cơn co giật. Mắt của em bắt đầu bị chảy máu, th-ờng xuyên bị sốt. Trong nhà chẳng có mấy thức ăn, không có xoong nồi và chăn ấm khi cái giá lạnh ban đêm ở miền núi ập xuống. Gió lùa qua những khe hở bên t-ờng và khi m-a xuống thì sàn nhà đầy bùn đất. Thạch và con gái phải vật lộn với cuộc sống và Tùng vẫn còn sống sót.

Một vài ng-ời tin rằng linh hồn của bé Vi đã mang lại cho Tùng và cả chị gái của Tùng cũng nh- mẹ của em niềm an ủi trong hoàn cảnh bi đát và chẳng còn hy vọng gì cho t-ong lai.

Tùng đã đ-ợc đ-a đến bệnh viện Tam Kỳ để chữa trị do em ngày càng bị xuất huyết nặng và lên cơn nặng hơn. Em đ-ợc chuẩn đoán là u não. Quỹ Đà Nẵng/Quảng Nam, một tổ chức Phi chính phủ nhỏ của Mỹ đã hỗ trợ một khoản tiền cho gia đình để sửa sang nhà cửa, thức ăn và quần áo để chăm sóc Tùng và Thắng có thể đi học trở lại. Cả ba ng-ời đã đến bệnh viện Tam Kỳ để chăm sóc Tùng và Quỹ đã đồng ý hỗ trợ kinh phí chữa trị cho Tùng.

Các bác sỹ đã nói rằng cần phải phẫu thuật não cho Tùng nh-ng cuối cùng lại kết luận Tùng bị tổn th-ong não rất nặng, không thể phẫu thuật đ-ợc. Họ lại quay về miền núi để tiếp tục sống những chuỗi ngày vất vả, để chia sẻ tình yêu th-ong giữa mọi ng-ời với nhau và chờ đợi ngày Tùng đoàn tụ với Vi. Một điều rất ngạc nhiên là sau khi Quỹ Quảng/Nam Đà Nẵng đ-a tiền cho chị Thạch tr-ớc khi đi bệnh viện, chị Thạch hỏi con gái có muốn mua quần áo mới không thì cháu đã khóc và nói: “Con không muốn mẹ dùng tiền chữa bệnh của em để mua quần áo cho con”. Cháu đã hiểu lắm rằng tiền đó dùng để mua thuốc cho em Tùng. Lòng vị tha của cháu đ-ợc thể hiện bằng tình yêu th-ong gia đình.

Gia đình Thạch chỉ là một trong số hàng triệu gia đình Việt Nam. Tuy nhiên, vấn đề chất độc da cam lại là vấn đề của chị Nguyễn Thị Thạch và của gia đình chị. Các nhà khoa học đang tiến hành điều tra hậu quả chết ng-ời đã gây ra cho bé Vi và Tùng. Những nguồn lợi về mặt kinh tế đã khiến cho các công ty phát triển và buôn bán các chất hoá học. Các nhà chính trị tại Washington đã quyết định xâm l-ợc Việt Nam và sử dụng chất độc da cam trên hàng triệu acres đất và hàng triệu những nạn nhân ch-a từng đ-ợc biết đến. Khoa học quân sự đã rất m-u mô trong việc sử dụng chất diệt cỏ chết ng-ời mà không hề xem xét đến các thảm hoạ kèm theo, thảm hoạ tiếp diễn tới cả thế hệ thứ 3. Trách nhiệm

thuộc về chính phủ Mỹ nh- ng họ đã từ chối bất cứ sự liên quan nào giữa việc sử dụng chất độc da cam với nỗi đau của con ng- ời hiện nay, các công ty của Mỹ cho rằng không có bằng chứng tin cậy về việc quân đội Mỹ đã sử dụng chất độc da cam và quyết định không thể cãi đ- ọc của Chính phủ Mỹ nhiều năm sau khi rải hoá chất (Vấn đề này sẽ đ- ọc giải thích sau).

Tuy nhiên, câu trả lời cho những vấn đề có thể đ- ọc tìm thấy khi thăm xã Quế Lâm và những đứa trẻ trong xã. Câu trả lời đ- ọc tìm thấy trong gần 4000 bức th- gửi đến cho tôi từ các gia đình khác nhau. Những nạn nhân này đã đ- a ra những câu hỏi cần đ- ọc giải đáp.

D- ới đây là một vài lá th- đại diện cho hàng nghìn th- mà chúng tôi nhận đ- ọc và còn hàng triệu gia đình ch- a bao giờ viết th- (www.danangquangnamfund.org)

Bức th- này là của một phụ nữ ở nông thôn miền Bắc Việt Nam

Nam Định, ngày 2/06/2004

Gửi: Ch- ơng trình SUNNY Brockport Việt Nam

Tr- ớc tháng 4 năm 1975, chồng tôi gia nhập quân giải phóng hành quân vào miền Đông Nam Bộ. Anh ấy đã bị nhiễm chất độc da cam trong thời gian đó. Chúng tôi đã kết hôn sau khi anh ấy từ chiến tr- ờng trở về. Chúng tôi có 3 đứa con nh- ng tất cả đều bị nhiễm chất độc da cam. Cả ba cháu đều bị liệt. Chúng không thể tự làm đ- ọc bất kỳ cái gì. Tôi phải quanh quẩn bên các cháu suốt 24 giờ/ngày để chăm sóc chúng. Mặc dù đ- ọc chính quyền địa ph- ơng quan tâm và giúp đỡ nh- ng chỉ làm vui đi phần nào sự gian truân đó.

Tôi muốn qua ch- ơng trình của các ông gửi những lá th- đến Tổng thống Mỹ, những ng- ời Mỹ và các công ty hoá chất đã sản xuất ra chất độc giết ng- ời đó. Họ phải hiểu là họ nên xin lỗi chúng tôi và phải đền bù những gì mà họ đã gây ra cho đất n- ớc chúng tôi.

Xin cảm ơn

Bùi Thị Bón

(Chồng của cô ấy đã tham gia chiến đấu chống lại sự xâm l- ọc của Mỹ. Sự đền đáp đối với họ là 3 đứa con bị liệt và nỗi đau vĩnh viễn)

Gửi: Giáo s- Kenneth Herrmann, Giám đốc Ch- ơng trình SUNNY Brockport Việt Nam

Tôi viết th- này theo ý kiến của giáo s- đăng trên báo Thanh niên ngày 24/5/2004. Tên tôi là Hồ Văn Xanh. Tôi sinh năm 1936 tại Ph- ớc Sơn, Hiệp Đức, Quảng Nam. Tôi là dân th- ờng, là ng- ời dân tộc thiểu số. Trong thời kỳ chiến tranh, tôi đã nhìn thấy những chiếc trực thăng rải chất độc da cam trên xóm làng của chúng tôi. Sau khi rải, toàn bộ cây cối và rau đều bị chết. Tôi là ng- ời dân tộc thiểu số, tôi sống hầu nh- ở vùng núi. Tôi ăn lá rau và uống n- ớc ở vùng đất này. Tôi th- ờng xuyên bị viêm khớp từ năm 1975.

Cháu gái của tôi sinh năm 2002. Khi cháu sinh ra l- ng của cháu đã có những chòm lông đen. Cùng với thời gian những đám lông đen đó không mất đi mà còn to hơn. Chúng bao phủ nửa bên phải ng- ời của cháu, lên mặt, chân và tay. Thân hình cháu vẫn phát triển nh- ng nhìn nh- con thú rừng.

Xin cảm ơn ông

Hồ Văn Xanh

(Cháu gái 3 tuổi có thể bị ung th- trong t- ơng lai và cuộc đời ngắn ngủi của cháu phải chịu đựng nỗi đau, sự nghèo khổ và n- ớc mắt nh- ng nỗi đau của gia đình cháu thì sẽ dài lâu)

Gửi giáo s- Kenneth Herrmann, Giám đốc ch- ơng trình SUNNY Brockport Việt Nam

Tôi là Lê Quang Chơn, tôi năm nay 54 tuổi

Tôi muốn giới thiệu sơ qua về gia đình tôi: Tôi gia nhập quân đội nhân dân Việt Nam và chiến đấu ở chiến tr- ờng Tây Nguyên cho đến ngày độc lập của đất n- ớc.

Tôi đã bị nhiễm chất độc da cam mà quân đội Mỹ đã sử dụng ở Việt Nam. Di chứng của việc này là vợ tôi cả ba lần sinh ra “ quái thai” * và 3 lần tiếp theo đó thì sinh ra những đứa con tật nguyền:

- Lê Thị Thoa: cụt chân

- Lê Quang Chiến: dị dạng

- Lê Quang Ch-ong: tật chân trái, không đi được

Ba bức ảnh của các con tôi đã-ợc đính kèm cùng bức th- này

Bản thân tôi trực tiếp bị nhiễm chất độc da cam: mắt mờ, răng rụng gần hết, hàm d-ới còn hai chiếc đang rơi, đau ốm liên miên, phải cắt dạ dày, 40cm ruột bị hoại tử do chất độc, chân tay tê nhức, suy nh-ợc thần kinh.

Vợ tôi thấy chồng con nh- vậy hoảng sợ, bị thần kinh. Đôi khi cô ấy không biết cô ấy làm gì nữa. Gia đình tôi gặp rất nhiều khó khăn cả về đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Mọi ng-ời trong gia đình đều chịu ảnh h-ởng của chất độc da cam. Nay chúng tôi muốn lên tiếng để mọi ng-ời trên thế giới biết đến những mất mát của các nạn nhân chất độc da cam phải gánh chịu hậu quả.

Kính th-

Lê Quang Chon

Thôn Trinh Nga, xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Gia đình này đã đem đến thông điệp cho những ng-ời sử dụng chất độc da cam để hiểu về sự tàn ác của sự xâm phạm đến những nguyên tắc cơ bản về chuẩn mực đạo đức của con ng-ời).

Th-a giáo s- Kenneth Herrmann

Tôi là Trần Thị Lành. Tôi sinh ra và lớn lên ở Triệu Phong, Quảng Trị. Đó là vùng đất bị huỷ diệt bởi chiến tranh hoá học.

Con gái tôi 2 tuổi nh-ng cháu ch-a biết nói, biết ngồi. Đầu ngày càng to, trong khi tay chân lại teo đi. Cuộc sống của chúng tôi rất khó khăn. Chúng tôi phải nhờ đến sự c-u mang của cha mẹ và hàng xóm.

Tôi biết ông đang thu thập những lá th- từ Việt Nam. Tôi hy vọng rằng con gái của tôi và những ng-ời khác nữa sẽ là những bằng chứng minh hoạ những hậu quả khủng khiếp của chất độc da cam mà quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh.

Xin cảm ơn ông

Trần Thị Lành

(Cháu bé hai tuổi và gia đình là minh chứng rõ nét t-ơng lai của sự chết chóc và đau khổ từ việc sử dụng các chất diệt cỏ trong chiến tranh. Ng-ời mẹ này đã mô tả một tr-ờng hợp trong vô vàn tr-ờng hợp t-ơng tự)

Sài Gòn ngày 7 tháng 6 năm 2004

Th-a Ngài Kenneth Herrmann,

Tôi là Phan Ph-ớc Trung, tôi năm nay 55 tuổi.

Vợ tôi là Tô Thị Diệu, 50 tuổi.

Tôi viết th- này h-ởng ứng lời kêu gọi của Ngài đăng trên một tờ báo. Bài báo đó đến với tôi nh- những thiên thần cứu vớt cuộc sống của hàng triệu nạn nhân chất độc da cam trên khắp đất n-ớc.

Chúng tôi, những nạn nhân của chất độc da cam Việt Nam, chân thành cảm ơn những quan tâm của Ngài với chúng tôi. Chiến tranh đã đi qua cách đây 30 năm. Những ng-ời Mỹ đã bắt đầu quên chúng tôi trong khi hàng triệu nhân dân Việt Nam đang phải gánh chịu những hậu quả thảm khốc. Đó là thảm kịch. Hàng triệu các gia đình Việt Nam đang sống trong nỗi đau khổ dai dẳng mà quân đội Mỹ đã gây ra trong chiến tranh. Có những gia đình mà thế hệ thứ 3 cũng bị ảnh h-ởng. Chúng tôi không biết khi nào chất

độc da cam mới chấm dứt ảnh hưởng tới sức khoẻ cho những người dân vô tội. Có thể nó còn ảnh hưởng tới cả thế hệ thứ 4, thứ 5 nữa chăng?

Dioxin vẫn còn tồn tại trong đất canh tác, trong nước và trong các nguồn thức ăn. Điều đó có nghĩa rằng nó vẫn còn tồn tại trong mỗi người dân Việt Nam.

Chính phủ Mỹ đã công nhận ảnh hưởng của chất độc da cam đối với các cựu binh Mỹ đã tham chiến ở Việt Nam, họ đã được đền bù, thật không công bằng với các nạn nhân chất độc da cam.

Tất cả các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam đang sống trong yên lặng. Họ đang đối mặt với đau khổ và mất mát. Các công ty sản xuất ra chất độc chết người phải chịu trách nhiệm về những gì mà họ gây ra. Chúng tôi muốn dành thời gian để chia sẻ nỗi đau của chúng tôi với Ngài.

Vâng, tôi đang chia sẻ với Ngài câu chuyện về gia đình tôi. Vợ tôi và tôi sinh ra, lớn lên tại Huế. Chúng tôi kết hôn và có 5 đứa con khoẻ mạnh, xinh xắn trước khi tôi vào Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận năm 1994. Cuối năm 1995, con gái của chúng tôi là Phan Thị Mỹ Liên ra đời. Chúng tôi đã đau khổ khi biết rằng cháu bị sứt môi hở hàm ếch và đầu của cháu xẹp lép. Giờ cháu đã 9 tuổi nhưng cháu không đi được, không nói được, không nhận thức được gì. Cháu chỉ nặng 10kg. Chúng tôi vô cùng hoang mang và không biết rằng vùng đất mà chúng tôi ở bị rải rất nhiều chất độc da cam trong chiến tranh. Chúng tôi ngay lập tức bán nhà và chuyển đi nơi khác ở. Vài năm sau tôi trở lại vùng đất này để thăm lại hàng xóm. Tôi không biết rằng gia đình đã mua nhà của chúng tôi cũng sinh ra con tàn tật. Con trai của họ bị chậm phát triển trí tuệ. Tôi cũng biết rằng người đỡ đẻ cho vợ tôi cũng có hai con khuyết tật. Cả hai đứa đều đã chết. Hơn nữa, vùng này có rất nhiều trẻ em khuyết tật.

Tôi muốn chia sẻ với Ngài câu chuyện về gia đình tôi. Đó chỉ là một trong số hàng triệu câu chuyện về nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam. Xin hãy nói cho bất kỳ những người mà Ngài biết về chất độc chết người này như thế nào.

Xin cảm ơn Ngài

Phan Phước Trung

(Bức thư có đoạn: "Những người Mỹ đã bắt đầu quên chúng tôi". Cha mẹ miêu tả hàng triệu nạn nhân và hoàn cảnh khốn cùng của con cái họ đang tồn tại từng ngày trên khắp Việt Nam. Họ yêu cầu Chính phủ Mỹ phải có trách nhiệm như thế nào về việc đã sử dụng chất độc da cam và những gì họ đã gây ra cho con người)

Nam Định ngày 31/5/2004

Kính thưa giáo sư Kenneth Herrmann,

Tôi viết lá thư này xin kể cho ông nghe câu chuyện của gia đình tôi. Bố tôi là con một gia đình nghèo. Ông gia nhập quân giải phóng tháng 11/1969 và là lính lái xe tăng. Ông đã đi khắp miền Nam Việt Nam. Tháng 9/1975, ông trở về gia đình và lại vào quân ngũ tháng 9/1987, sau đó chỉ về thăm nhà trong thời gian ngắn. Ông đã lập gia đình với mẹ tôi và sau khi cưới 1 năm đã sinh chị gái tôi, Nguyễn Thị Xuân. Khi chị Xuân được 5 tuổi, chị bắt đầu bị co giật. Bố mẹ tôi đưa chị đi rất nhiều bệnh viện nhưng đều không hy vọng, chị đã bị liệt. Mẹ tôi đã phải nghỉ làm để ở nhà chăm sóc chị.

Hai năm sau, mẹ tôi sinh tôi cũng với những triệu chứng bệnh giống chị Xuân, liệt nửa người. Cuộc sống gia đình lúc này rất khó khăn.

Khi bố tôi 46 tuổi, bố tôi đã bị ung thư và qua đời một thời gian ngắn sau đó. Tất cả đồ đạc gia đình đều đã bán để chữa bệnh và điều trị cho bố tôi. Mẹ tôi trở thành góa phụ với 2 đứa con tật nguyền khi mới 38 tuổi. Hai ba năm qua, mẹ tôi bị bệnh tim mà vẫn phải làm việc cật lực để nuôi chúng tôi.

Tôi đã may mắn hơn chị Xuân vì tôi là thợ may. Mặc dù vậy, tôi vẫn cảm thấy rất khó khăn để hoà nhập với cộng đồng. Tôi xin gửi kèm đây bức ảnh của chị gái tôi. Kính chúc ông sức khoẻ dồi dào.

Cảm ơn ông!

Nguyễn Thị Viên

(Ng-ời phụ nữ tật nguyên và những gì gia đình của chị đã phải chịu đựng vì chất độc da cam đã nói lên sự đơn độc và cả những nỗi buồn. Những điều này đã xảy ra với họ và với hàng triệu ng-ời khác nữa).

Quế Trung ngày 30/6/2004

Th- a giáo s- Kenneth Herrmann,

Thế là cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đã đi qua gần 30 năm rồi. Song vết th-ơng của nó vẫn còn dai dẳng trên khắp mọi miền Tổ quốc Việt Nam. Thật đáng phải rơi n-ớc mắt, chất độc của Mỹ đã rải xuống trong thời kỳ chiến tranh 1964-1975.

Tôi sinh ra vào thời kỳ quân đội Mỹ rải chất độc hoá học dioxin. Tên tôi là Nguyễn Thị Hồng sinh năm 1955, nguyên quán thôn Trung Nam, xã Quế Trung, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tôi là một ng-ời dân sinh sống tại vùng quân Mỹ rải chất độc, các cảnh t-ợng nh- cây cối khô héo, rụng lá và chết hàng loạt, thời tiết trở nên nóng gắt dữ dội, nạn đói trầm trọng. Lúc đó thức ăn, n-ớc uống đều nhiễm độc. Khi tôi uống n-ớc có mùi, tôi th-ờng bị nhức đầu, choáng váng. Lúc đó tôi không hề để ý đến những triệu chứng này và cũng không hay biết gì về hậu quả của nó.

Tôi sinh đ-ợc một đứa con duy nhất năm 1995. Cháu tên là Nguyễn Thị Thuý Vân. Cháu bị suy dinh d-ỡng từ lúc mới sinh ra. Cháu hoàn toàn không nhận thức đ-ợc những gì và không đi lại đ-ợc cho đến khi cháu 2 tuổi. Cháu bị bệnh tâm thần và bệnh tim bẩm sinh. Căn bệnh nguy hiểm này luôn đe dọa tính mạng của cháu. Kể từ

đó, hoàn cảnh gia đình và bản thân tôi bị sa sút về mặt vật chất cũng nh- tinh thần. Tôi rất đau khổ khi thấy đứa con duy nhất của mình luôn trong tình trạng nguy hiểm. Là một goá phụ, tôi không biết làm gì để giúp đứa con của mình. Tôi vô cùng lo sợ khi biết rằng những chất độc trong n-ớc tôi uống khi còn trẻ là nguyên nhân gây ra bệnh của cháu. Chất độc này đã di nhiễm từ gen của tôi sang đứa con.

Quê tôi ở rừng núi cao, hơn nữa tôi không biết nhiều về thông tin đại chúng xung quanh. Khi biết đ-ợc tin là giáo s- có lời kêu gọi những nạn nhân bị ảnh h-ởng chất độc màu da cam lên tiếng, tôi đã viết lá th- này kính nhờ giáo s- chuyển đến các công ty hoá chất và chính phủ Hoa Kỳ có trách nhiệm tạo điều kiện để bản thân và gia đình tôi ổn định cuộc sống.

Tôi cũng nh- hàng triệu công dân bị nhiễm chất độc da cam ở Việt Nam rất biết ơn tấm lòng -u ái của quý Ngài dành cho chúng tôi. Chúng tôi đặt hy vọng vào Ngài rất nhiều và rất nhiều.

Một lần nữa tôi xin đ-ợc kính chúc quý Ngài dồi dào sức khoẻ. Tôi xin chân thành cảm ơn quý Ngài đã mở rộng tấm lòng đón nhận những công dân nhiễm chất độc da cam nh- chúng tôi.

Nguyễn Thị Hồng

(Những thảm hoạ chiến tranh trong thời kỳ tuổi thơ của ng-ời phụ nữ này đã tiếp tục chuyển sang thế hệ khác)

Ngày 21/7/2004

Th- a giáo s- Kenneth Herrmann,

Th- a ông, tôi có đọc đ-ợc tin trên báo Lao động- các nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam cần lên tiếng!

Để ông và ch-ơng trình của ông thực hiện 2 ch-ơng trình hỗ trợ các nạn nhân chiến tranh, tôi viết lá th- này để trình bày với ông về hoàn cảnh gia đình tôi, chồng và con tôi bị nhiễm chất độc da cam.

Thời kỳ chiến tranh 1964-1975 chồng tôi là lái xe trong quân đội đóng quân ở A Sầu, A L-ới.

Thời gian tr-ớc khi chồng tôi vào chiến tr-ờng miền Nam chúng tôi đã có 2 cháu (1 trai, 1 gái) bình th-ờng. Nh-ng sau khi hết chiến tranh, chồng tôi trở về vào năm 1980 chúng tôi có sinh thêm một cháu gái. Cháu không bình th-ờng khi sinh ra, cháu chỉ nặng 1.3kg, quấy khóc suốt ngày đêm. Tôi cho cháu đi khám để chạy chữa cho cháu nh-ng các bác sỹ đều bó tay vì cháu bị não bẩm sinh, mù bẩm sinh, liệt cứng tứ chi. Một đứa trẻ sống mà không biết gì. Từ khi phát hiện cháu bị ảnh h-ởng chất độc da cam do bố cháu đi chiến tr-ờng miền Nam gây nên, gia đình tôi rất đau khổ.

Năm nay, cháu đã 25 tuổi mà nh- một đứa trẻ, chỉ biết khóc. Mọi sinh hoạt của cháu đều do tôi phục vụ nên trong cuộc sống gia đình tôi gặp rất nhiều khó khăn.

Đ-ợc đọc tin về ông và ch-ơng trình Suny Brockport Việt Nam hỗ trợ các nạn nhân chiến tranh bị chất độc da cam, gia đình tôi viết lá th-tha thiết mong ông và tổ chức của ông nhận sự lên tiếng của các gia đình nạn nhân chúng tôi để phần nào bù đắp những mất mát mà chiến tranh quân đội Mỹ đã gây nên cho nhân dân Việt Nam trong đó có gia đình tôi.

Cuối th- gia đình tôi kính chúc ông và các đồng sự của ông tràn đầy sức khoẻ và hạnh phúc.

Thay mặt gia đình

Nguyễn Thị Cẩm Đào

102 D4 Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

(Ng-ời mẹ này đã mô tả cuộc sống với đầy n-ớc mắt đau khổ do con m-a chất độc da cam của quân đội Mỹ gây nên)

Thọ Thành, ngày 10/7/2004

Kính th-a Ngài giáo s- Kenneth Herrmann, giám đốc ch-ơng trình Suny Brockport Việt Nam.

Gia đình tôi là những nạn nhân chất độc da cam. Tôi là Nguyễn Quỳnh Lộc, sinh năm 19 (?). Tôi đã gia nhập quân ngũ ở chiến tr-ờng miền Nam từ năm 1972. Năm 1977 tôi trở về miền Bắc. Sau khi hoàn thành quân ngũ, tôi trở về quê và lập gia đình.

Chúng tôi đã có 3 ng-ời con. Con gái lớn là Nguyễn Thị H-ơng Giang sinh năm 1988, cháu bị bệnh hoảng loạn thần kinh. Cháu thứ hai là con trai, Nguyễn Minh Phú sinh năm 1990, không có tay. Cháu trai cuối cùng là Nguyễn Đức Thọ sinh năm 1993, bị suy dinh d-ỡng, chậm phát triển.

Bản thân tôi là th-ơng binh 4/4. Tôi bị th-ơng ở sọ, ba đốt sống bị tổn th-ơng, bị cắt 75% dạ dày, gan, lá lách, thận, bàng quang đã bị tổn th-ơng, h- hại do ảnh h-ởng của chất độc da cam. Đặc biệt cháu thứ hai Nguyễn Minh Phú đã 14 tuổi và đang học lớp 6. Cháu học rất chăm và giỏi. Tuy nhiên, cháu hay bị đau đầu và cáu kỉnh. Có khi cháu ngủ cả ngày. Cháu mọc mụn khắp ng-ời, đặc biệt là ở tay và chân

Gia đình chúng tôi rất nghèo. Vợ tôi thì ốm yếu mà vẫn phải nuôi chồng đau ốm, con tật nguyền. Do đó, chúng tôi không có cuộc sống bình th-ờng nh- mọi ng-ời khác, các con không đ-ợc đi học. Chúng tôi đã đ-ợc đài truyền hình mời ra Hà Nội để phỏng vấn trong ch-ơng trình “ Ng-ời xây tổ ấm” . Các cháu đã đ-ợc sự quan tâm chăm sóc của Chính phủ, các tổ chức xã hội. Phú đã đ-ợc tham dự buổi họp của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Quỹ Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.

Gia đình tôi xin gửi tới Ngài lời cảm ơn chân thành. Xin nhờ Ngài và các bạn giúp đỡ, gia đình chúng tôi rất cần sự giúp đỡ của Ngài.

Cha của Minh Phú

Nguyễn Quỳnh Lộc

Thôn Tam Hợp, xã Thọ Thanh, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

(Đây cũng là một gia đình đại diện cho rất nhiều những gia đình khác với nỗi đau về cơ thể, tinh thần, tâm hồn, văn hoá.)

Chỉ có một số ng-ời mà những khó khăn của họ là kết quả của những hành động tàn bạo do các quốc gia chống lại sự tái thống nhất và tự do ở Việt Nam gây ra. Một sự tàn bạo vẫn tiếp tục gây ra nỗi đau không tả xiết. Một ng-ời mẹ nói rằng, “Chúng tôi tiếp tục khóc bằng n-ớc mắt màu da cam kể từ ngày chiến tranh”. Đối diện với những tổn th-ong không thể v-ợt qua đ-ợc, không thể tham gia vào tiến trình kinh tế của đất n-ớc, bị kìm giữ trong những gì d-ờng nh- là hậu quả không thể tránh khỏi do ý muốn của kẻ xâm l-ợc muốn chiến thắng bằng bất cứ giá nào, rất nhiều ng-ời đổ lỗi hoàn cảnh của họ là do số phận. Nhiều ng-ời không có ý nghĩ căm thù ng-ời Mỹ, mà cho rằng số phận đã đẩy họ đối diện với những chất hoá học chết ng-ời.

Sự dửng dưng, anh hùng của các nạn nhân và gia đình họ không thể nào nói cho đủ. Mỗi ngày một dây thêm sự mất hy vọng; trong nhiều tr-ờng hợp nhắc nhở chúng ta rằng, gia đình họ sẽ bị tuyệt giống bởi cái chết của họ; sự vật lộn kiếm sống và sự chấp nhận hoàn cảnh khốn khổ. Tuy nhiên, có rất nhiều ng-ời ở Việt Nam cũng nh- trên toàn thế giới mỗi ngày đang bắt đầu hành động để thay thế những giọt n-ớc mắt bằng những nụ c-ời, sự tuyệt vọng bằng niềm hy vọng.

Có một tinh thần kiên nhẫn, hy sinh cho gia đình, và có trách nhiệm đ-ợc khắc họa với tất cả những gia đình đang đau khổ vì chất độc da cam ở những ng-ời mà tôi đã gặp. Điều này phù hợp với văn hoá của ng-ời Việt Nam, nh-ng nó cũng là một ví dụ về sự chính trực mà tất cả chúng ta đều nhận thức đ-ợc. Bài học này đ-ợc dạy trong bối cảnh những gì mà Mỹ đã gây ra cho đất n-ớc nhỏ bé này và những gì vẫn đang tiếp tục diễn ra.

KHOA HỌ C

Chất da cam, đ-ợc đặt tên theo vạch màu da cam trên thùng kim loại 55 ga-lông để vận chuyển, và những chất diệt cỏ khác đã đ-ợc ng-ời Mỹ sử dụng trong chiến tranh (NIEHS News, 2001). Các màu cầu vồng bí hiểm này bao gồm chất trắng, xanh lá cây, tía, hồng, mỗi màu dựa vào các hợp chất khác nhau của 2,4-D và 2,4,5-T, mỗi loại đều có chứa dioxin. Ng-ời Mỹ đã rải chúng xuống Việt Nam từ 1962 đến 1971. Chế độ Sài Gòn đã sử dụng độc tố do Mỹ cung cấp cho đến khi kết thúc chiến tranh năm 1975 (Kokoris, 13).

Thuật ngữ chất da cam trở thành một tham chiếu chung cho tất cả các chất diệt cỏ nh- thể đã đ-ợc sử dụng. “Số l-ợng 2,3,7,8-Tetrachlorodibenzo-p-dioxin (TCDD) ở trong chất da cam và các chất diệt cỏ khác rải xuống trong chiến tranh Việt Nam đã cao gấp 4 lần -ớc tính tr-ớc đây” (tr-ớc khi có những nghiên cứu đ-ợc báo cáo năm 2003 trong một bài báo nổi tiếng hiện giờ trên tạp chí Nature Magazine đ-ợc viết bởi Jeanne Mager Stellman, giáo s- về quản lí và chính sách sức khoẻ, D. Stellman, giáo s- dịch tễ học y học và những ng-ời khác. Họ là những nhà điều tra hàng đầu ở tr-ờng Sức khoẻ công cộng Mailman, Đại học Columbia. Theo Wayne Dwernychuk, Phó Chủ tịch cao cấp của Hatfield Consultants ở Vancouver, một khối l-ợng t-ong đ-ợng 600 kg chất TCDD tinh khiết đã đ-ợc rải và đổ xuống Việt Nam trong chiến tranh, trái ng-ợc với 170 kg nh- đã đ-ợc báo cáo (Hileman, 2003; Stellman, 2003).

Những chất này đã đ-ợc rải để làm rụng lá nói chung, kiểm soát cây cỏ, phá hoại lúa, mùa màng, khai quang rừng. (Viện Y học, 1994) Những ảnh h-ởng liên quan của các chất hoá học, tất nhiên, không phải là bí mật đối với Washington.

Trong một bản báo cáo mật và đã đ-ợc phân loại trình lên Derwinski Bộ tr-ởng Bộ Cựu chiến binh vào mùng 5 tháng 5 năm 1990, đô đốc E.R.Zumwalt, Jr., ng-ời đã từng hoạt động nh-

một trợ lí đặc biệt cho Bộ tr-ởng, kết luận rằng các công ty Mỹ sản xuất chất da cam không chỉ biết rằng chất diệt cỏ rất nguy hiểm mà thực sự còn bóp méo những nghiên cứu của họ trong việc cố gắng nêu ra rằng chất hoá học ít nguy hiểm hơn so với điều mà họ biết. Ông ghi trong báo cáo: Công ty hoá chất DOW Chemical, một nhà sản xuất chất da cam, đã nhận thức rất sớm từ năm 1964 là TCDD là một sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất. Theo nh- giám đốc y học sau đó của DOW, TS. Benjamin Holder, phơi nhiễm nhiều dioxin có thể dẫn đến “nhiễm độc các cơ quan nói chung” cũng nh- những vấn đề về “bệnh tâm lí” và “các vấn đề đối với các hệ cơ quan khác”. Bản báo cáo xác định DOW đã biết sự đe dọa đến con ng-ời gây ra bởi chất da cam nhiều năm tr-ớc khi quân đội Mỹ có mặt ở Việt Nam. Báo cáo cho biết, các nghiên cứu của các cơ quan chính phủ Mỹ (nh- CDC) về sự nguy hiểm của chất da cam lên con ng-ời đã đ-ợc thực hiện theo một ph-ơng cách mà nghiên cứu đã đ-ợc lập kế hoạch, kiểm soát và kết thúc làm sao cho chất da cam bỗng trở nên vô hại.

Bản báo cáo Zumwalt đã trích dẫn những ghi chú trên, “dioxin đ-ợc coi là một trong những chất hoá học độc nhất đã biết đối với con ng-ời” (Zumwalt, 1990). Dioxin đôi lúc đã đ-ợc coi nh- một chất hoá học chết ng-ời nguy hiểm nhất ở vào thời điểm phát hiện ra nó. Tổng thống John F. Kennedy b-ớc đầu đã cho phép sử dụng nó ở Việt Nam (Kokoris, 13). Cuối cùng, Đại sứ Mỹ đã đ-ợc trao quyền tiếp tục sử dụng chúng. Các bài viết trên báo chí đã chỉ trích việc này và nghị sĩ Robert W. Kastenmeier đã thuyết phục chấm dứt việc sử dụng các chất độc hại này. Năm 1967, TS. Arthur W. Galston, đ-ợc coi là ng-ời tìm ra dioxin năm 1943, đã cùng với các nhà khoa học khác đề xuất Washington không sử dụng chất da cam ở Việt Nam (Lambeck, 2005). Liên đoàn các nhà Khoa học Mỹ, các thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia, 17 ng-ời đoạt giải nobel, Công ty RAND, và những ng-ời khác đã yêu cầu chấm dứt hình thức chiến tranh hoá học này. Sự thực, năm 1969, Nghị quyết của

Liên hợp quốc số 2063-A đã tuyên bố rằng việc sử dụng các chất hoá học theo cách mà Mỹ sử dụng ở Việt Nam là sự vi phạm Nghị định th- Geneva 1925, là một tội ác chiến tranh. Đại Hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua nghị quyết này. Washington đã bỏ phiếu chống lại nghị quyết mà đã đ-ợc thông qua với số phiếu 80/3 (Kokoris, 17).

Sau khi Johnson nhậm chức Tổng thống, ông ra lệnh tăng c-ờng sử dụng chất diệt cỏ. Tổng thống Nixon đã đ-ợc TS. Lee DuBridge cảnh báo về mối liên hệ giữa chất diệt cỏ đ-ợc rải ở Việt Nam với hiện t-ợng thai chết l-u và dị dạng ở chuột trong một nghiên cứu của Viện Sức khoẻ Quốc gia. Cho đến năm 1970, 200.000 ga-lông chất da cam đã đ-ợc sử dụng mỗi tháng ở Việt Nam... Bộ tr-ởng bộ Quốc phòng Melvyn Laird đã xem xét việc cắt giảm sử dụng chất diệt cỏ này, nh-ng T-ớng Creighton Abrams, chỉ huy ở Việt Nam, và chỉ huy của ông ta, đô đốc John S. McCain, Jr., tổng chỉ huy khu vực Thái Bình D-ơng, cũng nh- đô đốc Thomas H. Moorer, tham m-u tr-ởng Bộ tổng tham m-u, khẳng định sự cần thiết phải sử dụng nó” (Currey, 1992).

Trong thời kì lính Mỹ tham chiến tại Việt Nam, họ cũng bị phơi nhiễm chất da cam. Hơn 400.000 ng-ời đã đ-ợc kiểm tra các vấn đề sức khoẻ có liên quan đến những hành vi phơi nhiễm này. Chính quyền Mỹ đã trả tiền bồi th-ờng cho các cựu binh Mỹ với căn cứ là chất da cam đã góp phần vào sự phát triển của tình hình y học tiếp sau (Cục Phúc lợi cựu chiến binh, 2006; Environment Health Perspectives, 1995:

- Ung th- máu
- Bệnh tiểu đ-ờng tuýp II
- Bệnh hodkin
- Đa u tuý
- U limphô ác tính
- Bệnh thần kinh ngoại vi cấp và bán cấp tính (Mục đích của phần này, thuật ngữ thần kinh ngoại vi cấp và bán cấp tính có nghĩa là

bệnh thần kinh ngoại vi tạm thời xuất hiện trong thời gian theo tuần hoặc tháng của sự phơi nhiễm chất diệt cỏ và phân giải trong vòng hai năm kể từ ngày nó bắt đầu tấn công).

- Bệnh nhiễm porphyrin da chậm. (Hầu hết xảy ra trong vòng một năm phơi nhiễm chất da cam).
- Ung thư đường hô hấp (ung thư thanh, khí phế quản, phổi).
- Ung thư tổ chức phân mềm.

Những cựu chiến binh này sẽ nhận được từ 112 đến 2.393 đôla một tháng, tùy thuộc vào mức độ tổn thương (Cục Phúc lợi Cựu chiến binh, 2006). Rất nhiều người khác đã được đền bù từ vụ kiện cựu binh Mỹ chống lại các công ty hoá chất đã sản xuất chất da cam (Bộ Cựu chiến binh, 2004).

Chính phủ Mỹ vẫn từ chối nhận bất kỳ trách nhiệm nào đối với các nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam. Thậm chí từ chối chấp nhận cả những phát hiện nghiên cứu kết luận có vấn đề nghiêm trọng ở Việt Nam gây ra do hàng triệu ga-lông dioxin đã được rải và đổ xuống đất nước và người dân ở đó (Griffiths, 2003). Nhiều người trong số những người lính Mỹ đã trải qua tháng là 1 năm chiến đấu ở Việt Nam đã bị phơi nhiễm rải chất hoá học một hoặc hai lần trong khi thực thi nhiệm vụ của họ. Có những người bị phơi nhiễm nhiều hơn những người khác, đặc biệt là những người trực tiếp thực hiện việc rải. Những người khác có thể di chuyển qua những tán rừng trúc đây đây gấp ba nay đã trở thành vùng đất rụng đầy lá sau khi khai quang. Hàng triệu người Việt Nam đã bị rải những chất không bao giờ rời khỏi đó, họ ăn thức ăn từ đất, cá từ hồ và sông, nhiễm những ảnh hưởng lâu dài vào họ và cho con cháu họ trong nhiều thập kỷ. Sự từ chối của Washington không thừa nhận mâu thuẫn đã được công nhận này và sự khước từ trách nhiệm đã vượt quá sự xúc phạm.

“Năm 2001, chính phủ Mỹ đã công khai thông báo bắt đầu một kỷ nguyên của hợp tác và nghiên cứu mối liên hệ giữa chất da cam và hàng triệu người khuyết tật ở Việt Nam” (Herrmann, 2005). Một kỷ nguyên mới của trách nhiệm giải trình giả định bắt đầu. Các nhà khoa học Mỹ và Việt Nam đã cùng hợp tác trong các điều tra khoa học để giữ lời hứa giúp đỡ những nạn nhân - Tù và gia đình. Sau vài năm khi thủ tục thương thuyết đang tiến triển, kết luận của Viện Khoa học Sức khỏe Môi trường Quốc gia Mỹ đã chấm dứt nỗ lực nghiên cứu vào tháng 1 năm 2005 trước khi nó bắt đầu (Herrmann, 2005). Thêm vào việc đập tan hy vọng, quyết định này cũng làm cho quan hệ ngày một xấu đi. Tuy nhiên, điều này không chỉ là một quyết định.

Một vụ kiện thay mặt cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam đã được sắp xếp bởi luật sư tình nguyện Mỹ ở tòa án cấp Quận của Mỹ để yêu cầu các công ty Mỹ đưa ra đền bù cho những phá hủy gây ra cho Việt Nam. Thẩm phán từ chối vụ kiện cũng là thẩm phán đã chịu trách nhiệm về vụ kiện những năm 1980 của các cựu binh Mỹ ở Việt Nam chống lại 30 công ty hoá chất Mỹ đã sản xuất ra chất da cam. Thẩm phán đã huỷ bỏ một vụ kiện, vụ kiện nhằm tìm kiếm sự giúp đỡ cho người dân Việt Nam. Quyết định của ông ta là không có bằng chứng nào giữa phơi nhiễm chất da cam và những dị tật ở người Việt Nam. Quyết định có vẻ như không ăn nhập này đang bị kháng án (Kokoris, 2005; Herrmann; Bufalo, 2005).

Chính quyền Mỹ có ba bộ phận: hành pháp, lập pháp và tư pháp. Ba bộ phận này thường được thực hiện bằng cách kiểm tra và cân bằng ở mỗi chức năng. Tuy nhiên, hiện tại cả ba bộ phận này của chính phủ đều đồng ý với DOW Chemical và những công ty theo nó, hoặc chất da cam thương mại đối vô hại hoặc là những dị tật trên người Việt Nam không có mối liên hệ nào với chất da cam, trong khi những điều này đối với cựu binh Mỹ thì lại có. Họ rõ ràng kết luận rằng những con người từ hai đất nước này thuộc về những loài

khác nhau nên phản ứng với dioxin theo những cách khác nhau.

Tùng và những đứa trẻ khác và gia đình của chúng vẫn tiếp tục chờ đợi. Họ phải tiếp tục chịu đựng trong một nỗ lực tuyệt vọng để sống sót đến ngày mai. Ngày mai của họ có thể là ngày hôm qua, nh- ng cũng có thể là một thế giới mới của niềm hy vọng. Đó có phải là số phận hay là chính phủ Mỹ và các công ty Mỹ đã rõ ràng không đếm xỉa đến quyền con ng- ời và công lí bình th- ờng?

NHỆNG BỊNH LUẬN

Những nguy hiểm của dioxin đã đ- ọc biết đến trong cộng đồng khoa học (Dwernychuk, 2005). Nó đã đ- ọc phân loại, với ghi chú đặc biệt của tổ chức Y tế thế giới về chất da cam, nh- là một chất gây ung th- chủ yếu (WHO, 1999). Các nghiên cứu khác nhau đã gợi ý ra một mối liên hệ trực tiếp giữa các vấn đề sức khoẻ với sự phơi nhiễm dioxin và chất hoá học đ- ọc biết đến nh- là chất da cam. Một số nghiên cứu này đã đ- ọc thực hiện mà không có sự hợp tác giữa các nhà khoa học từ nhiều quốc gia. Tuy nhiên, họ th- ờng có cùng một kết luận. Sẽ rất là hữu ích nếu đ- a các nhà khoa học lại với nhau để đ- a ra một nỗ lực thúc đẩy tăng c- ờng sự hợp tác của chính phủ Mỹ và Liên hợp quốc. Sự hợp tác quốc tế trong đợt xuất hiện cúm gia cầm là một ví dụ về việc một hợp tác nh- thể có thể thực hiện đ- ọc. Cúm gia cầm là một khủng hoảng sức khoẻ rất nghiêm trọng. Những ảnh h- ờng của chất da cam hiện đang hiện hữu và tiếp tục là một khủng hoảng nữa.

Sự ngăn cấm tr- ớc đây của chính phủ Mỹ đã khiến cho sự trợ giúp cho ng- ời khuyết tật ở Việt Nam rất khó khăn. Họ tự thấy mình phải đối mặt với “những cản trở... từ nhiều cơ quan khác nhau của chính phủ Mỹ đang hoạt động d- ối sự điều hành của các tổng thống Mỹ kế tục nhau: Ford, Carter, Reagan và Bush- tất cả họ đều ngoan cố từ chối cho phép trợ giúp hoặc gửi hàng trực tiếp tới Việt Nam” (Curey, 1992). Các tổ chức trợ giúp giờ đây đã hoạt động t- ơng đối tự do.

Những nỗ lực trợ giúp từ các NGO và các khu vực t- nhân khác ở Việt Nam th- ờng hoạt động theo cách tiếp cận cá nhân tập trung. Trong khi các hình thức trợ giúp (chăm sóc y tế, giáo dục, trợ giúp trực tiếp, xây nhà cửa, v.v...) có thể đ- ọc chuyên môn hoá với sự quan tâm giúp đỡ tới những nhu cầu riêng biệt, thì trợ giúp của họ lại th- ờng liên quan đến những vấn đề mà những khách hàng xác định của họ đã trải qua. Mở rộng thông qua mạng l- ới giữa các tổ chức hoạt động trợ giúp tại Việt Nam, cùng với một cách nhìn h- ớng về trợ giúp cho các nạn nhân chất độc da cam, có thể tăng lên cả về l- ợng trợ giúp đ- ọc cung cấp và cả mở rộng phạm vi của những trợ giúp này, trong đó cách thức hợp tác đang tiếp diễn để trợ giúp cùng với những tổ chức nh- Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Nạn nhân chất độc da cam Việt Nam và các tổ chức Việt Nam khác. Sự cộng tác và mạng l- ới hợp tác có thể cung cấp một ph- ơng pháp toàn diện, tốt cho sự giúp đỡ các nạn nhân chất độc da cam.

Sự ủng hộ cho những nạn nhân này ở Mỹ đã tăng lên trong vài năm qua. Những nỗ lực nh- thế sẽ làm tăng lên sự tham gia của các nhà chính trị và các nhà chuyên môn ở nhiều lĩnh vực tại Mỹ. Ch- ơng trình Vietnam Brockport SUNY đang tiếp tục sử dụng một biện pháp từ năm 2000 là đ- a các sinh viên tr- ờng Đại học Mỹ tiếp xúc trực tiếp với các nạn nhân chất độc da cam ở Đà Nẵng và Quảng Nam (SUNY, 2006). M- ời tám tuần giúp đỡ những nạn nhân này không chỉ đ- a đến một kinh nghiệm giáo dục mà còn là cơ hội đ- a ra sự giúp đỡ, hỗ trợ. Thêm vào đó, họ mang những hiểu biết mới tìm hiểu đ- ọc và những cam kết của họ trở về Mỹ. Những tình nguyện viên quốc tế và các ch- ơng trình giáo dục quốc tế có trên toàn đất n- ớc Việt Nam. Một số ng- ời tham gia lâu hơn, còn hầu hết thì tham gia ngắn hơn so với thời gian mà sinh viên SUNY Brockport đã trải qua. Sẽ rất hữu ích cho sự hợp tác hoặc tài trợ cho các tổ chức Việt Nam làm việc có tinh thần cộng tác với các ch- ơng trình của n- ớc ngoài để thúc đẩy sự giúp đỡ các

nạn nhân chất độc da cam, cũng như thúc đẩy các tuyên truyền thay mặt cho những nạn nhân khi các sinh viên trở về đất nước họ.

Sự từ chối của chính phủ Mỹ nhận trách nhiệm về những tàn phá đã gây ra cho Việt Nam và những người dân bằng việc sử dụng một khối lượng chất hoá học ch-a từng thấy trong chiến tranh ở khu vực rộng lớn của Việt Nam có thể được coi như là một sự vi phạm quyền con người đối với việc sử dụng vũ khí huỷ diệt hàng loạt một cách bừa bãi theo cách làm bị thương cả những người không phải là lính trong chiến tranh và tiếp tục những thương tổn này cho tới ngày hôm nay. Sự liên quan của các tổ chức quyền con người trên toàn thế giới trong nỗ lực ép buộc chính phủ Mỹ phải sửa chữa những vấn đề họ gây ra một cách chủ ý là một cách giải quyết hợp lý của các tổ chức quan tâm. Nếu chính phủ Mỹ là một chính phủ của mọi người, do mọi người và vì mọi người, công chúng Mỹ có thể cuối cùng sẽ kết thúc những điều đáng xấu hổ của nước Mỹ trên thế giới khi tiến hành cuộc chiến tranh bởi vì không có vũ khí huỷ diệt hàng loạt ở Iraq, trong khi họ phủ định việc đã sử dụng chiến tranh hoá học ở Việt Nam. Nỗ lực này để tạo ra sự tuyên truyền vận động dựa trên nguyên tắc về quyền con người, do đó có thể tập trung đặc biệt vào việc làm cho công chúng Mỹ thêm nhạy cảm.

Du lịch là một ngành công nghiệp quan trọng, tạo ra nhiều lợi nhuận ở Việt Nam và hứa hẹn sẽ ngày càng trở thành quan trọng hơn cho nền kinh tế quốc gia. Trong khi một vài tour du lịch có chương trình đi thăm làng Hữu Nghị hoặc các dịch vụ tự nguyện, thì khách du lịch cũng thường không đi thăm với mục đích gặp gỡ các nạn nhân da cam; tuy nhiên khuyến khích những người hướng dẫn du lịch, các đại lý du lịch và các khách sạn đưa các tài liệu in cho những người khách nước ngoài sẽ giúp mở rộng nhận thức của hàng triệu người đến thăm và tìm hiểu Việt Nam mỗi năm. Những tài liệu này có thể chỉ đơn

thuần đơn giản những tờ bro-sơ nhỏ nhỏ hoặc các tờ chức khác đã xây dựng.

Nỗ lực của Chính phủ Việt Nam và những người Việt có quan tâm trợ giúp cho các nạn nhân chất độc da cam, tất nhiên sẽ tiếp tục còn mở rộng, là một nguồn lực có giá trị.

KẾT LUẬN

Nỗ lực của Chính phủ Việt Nam và những hoàn cảnh khó lý giải luôn những khó khăn mà những nạn nhân chất độc da cam và môi trường của họ phải đối mặt đã đưa ra một bối cảnh mà Việt Nam và con người Việt Nam có một cơ hội để đứng dậy một lần nữa từ quá nhiều những thử thách.

“Cả hệ thống lý thuyết và phép ẩn dụ âm và dương nhắc chúng tôi chú ý hướng về khung cảnh đang hiện ra và không bị sao nhãng vì sự dừng lại ở những chi tiết phù du về nội dung và hình thức, trừ phi nó có liên quan và tạo nên một phần của bối cảnh... Nó là một bối cảnh có tiến hoá. Đây là một bài học sâu sắc nhất của Việt Nam” (Jamieson, 1993, p. 376). Cuộc đấu tranh vì tự do chống lại chủ nghĩa đế quốc nước ngoài của Việt Nam đã thắng lợi. Giờ đây họ đang phải đối mặt với những thách thức trong việc tìm kiếm tự do trong những gì còn tồn tại của chủ nghĩa đế quốc. Nếu lịch sử có thể dạy chúng ta điều gì, chúng ta biết chắc chắn rằng người Việt Nam một ngày nào đó sẽ nhìn lại chất da cam như một chương đau đớn trong lịch sử, nhưng là một chương mà ở đó, sức mạnh của những con người đã lấy lại được khả năng từ những bất lực.

Từng và hàng triệu những nạn nhân bé nhỏ của chất độc da cam là những người thầy. Họ không chỉ cho những người Việt Nam bài học giá trị mà cả những người khác trên thế giới về sự bền bỉ, dũng cảm, sức mạnh và tình yêu.